



TÌM HIỂU QUYỀN CON NGƯỜI, QUYỀN TỰ DO NGÔN LUẬN TRONG PHÁP LUẬT QUỐC TẾ VÀ VIỆT NAM



Đại tá, ThS. Nguyễn Hữu Tình *

Tóm tắt nội dung: *Quyền con người, quyền tự do ngôn luận đã và đang được hầu hết các nước trên thế giới bảo vệ và đảm bảo thực hiện theo tôn chỉ đây là một trong những quyền cơ bản nhất của con người. Ngày nay với sự phát triển vượt bậc của nền tri thức nhân loại, tự do ngôn luận hơn bao giờ hết đang được quan tâm và bảo vệ bằng các quy định pháp lý mang tính bắt buộc chung thể hiện tính liên kết chặt chẽ của cộng đồng quốc tế.*

Quyền con người - một trong những giá trị cao quý của nhân loại, là kết tinh của nền văn hoá toàn thế giới. Qua các giai đoạn phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội khác nhau, vấn đề quyền con người đã được nhân loại quan tâm từ nhiều góc độ, khía cạnh khác nhau như qua các thuyết tư tưởng, thuyết tôn giáo, chính trị, pháp lý... nó được cụ thể hoá thành các quy tắc thành văn hoặc bất thành văn. Theo các nhà nghiên cứu khoa học trên thế giới, vấn đề quyền con người được khởi thủy sơ khai từ khi trên trái đất xuất hiện nền văn minh cổ đại mà đại biểu tiêu biểu nhất đó là nền văn minh rực rỡ Trung Đông (xuất hiện từ những năm 3.000 - 1.500 TCN). Trong thời kỳ này nhà vua Hammurabi xứ Babilon đã ban hành một đạo luật lấy tên là Bộ luật Hammurabi (khoảng năm 1.780 TCN) với những mục đích: “... ngăn ngừa những kẻ mạnh áp bức kẻ yếu, ... làm cho người cô quả có nơi nương tựa ở thành Babilon, ... đem lại hạnh phúc chân chính và đặt nền thống trị nhân từ”¹. Ở Việt Nam có thể kể đến Bộ Luật

Hồng Đức - Quốc Triều Hình Luật (1470 - 1497) thời Hậu Lê cũng đã đề cập đến quyền lợi của nhóm người yếu thế dễ bị tổn thương trong xã hội lúc bấy giờ như: phụ nữ, trẻ em, người già không nơi nương tựa... mang tính nhân văn sâu sắc, được các nhà nghiên cứu trên thế giới đánh giá cao.

Cùng với sự phát triển như vũ bão về mọi mặt của nhân loại vấn đề quyền con người ngày càng được nhận thức đầy đủ và sâu sắc hơn. Khoảng thời gian sau chiến tranh Thế giới thứ 2, sự kiện quyền con người được pháp điển hoá trong Tuyên ngôn toàn Thế giới về quyền con người do Đại hội đồng Liên Hợp Quốc thông qua và công bố theo Nghị quyết số 217A(III) ngày 10/12/1948 đánh dấu một bước ngoặt quan trọng, tạo ra nền tảng chung về các chuẩn mực, tiêu chí pháp lý trong bảo đảm, bảo vệ và thực thi các quyền của con người, mở ra một kỷ nguyên văn minh, khuyến nghị các quốc gia trên thế giới tiến tới xây dựng một “Nền văn hoá

* Trưởng Khoa QLNN về TTATXH,
Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II.

1 Bộ Luật Hammurabi, Điều 226.



nhân quyền”.

Đề cập đến vấn đề quyền con người, đây là một phạm trù đa diện có thể tiếp cận từ nhiều khía cạnh khác nhau như: chủ thể thực thi, chủ thể được bảo vệ, phương thức thực hiện... Tuy nhiên tính đến thời điểm hiện tại định nghĩa được vận dụng nhiều nhất đó là định nghĩa quyền con người của Văn Phòng Cao uỷ Liên Hợp quốc (Office of High Commissioner for Human Right - OHCHR). Theo đó thì: “Quyền con người là những bảo đảm pháp lý toàn cầu, có tác dụng bảo vệ các cá nhân và các nhóm chống lại những hành động hoặc sự bỏ mặc mà làm tổn hại đến nhân phẩm, những sự được phép và tự do cơ bản của con người”².

Từ nhận định trên có thể thấy rằng, quyền con người mang tính chất phổ biến rộng về phạm vi cũng như đối tượng áp dụng và thi hành, đó là quyền không thể tước bỏ cũng không thể phân chia một cách cơ học mà nó có mối liên hệ gắn bó mật thiết với nhau. Quyền con người bao gồm những quyền tuyệt đối và quyền cơ bản được phân định ước lệ thành các nhóm tương ứng về: dân sự, chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội... và được thể hiện cụ thể như: quyền được sống, tự do đi lại, an toàn cá nhân, bình đẳng trước pháp luật... Trong đó đặc biệt phải kể đến quyền tự do ngôn luận, đây là quyền cơ bản có mối liên hệ mật thiết đến việc bảo đảm thực thi các quyền khác của con người.

Tự do ngôn luận mang tính gắn gũi, gắn chặt với đời sống sinh hoạt của mỗi con người, về thực tế tự do ngôn luận là việc con người có quyền tự do lựa chọn biểu đạt cũng như chia sẻ các thông tin bằng nhiều phương pháp khác nhau như: sử dụng ngôn ngữ nói, báo chí, tài liệu, internet... Nhận thấy tự do ngôn luận là một trong những quyền cơ bản của con người nên

trong pháp luật quốc tế, cũng như Việt Nam đã có những quy định cụ thể để bảo vệ và đảm bảo thực thi quyền này của con người. Cụ thể trong Tuyên ngôn toàn Thế giới về quyền con người của Liên Hợp quốc cũng đã ghi nhận và khuyến nghị các nước thực hiện: “Mọi người đều có quyền tự do ngôn luận và bày tỏ ý kiến; kể cả tự do bảo lưu quan điểm mà không bị can thiệp; cũng như tự do tìm kiếm, tiếp nhận và truyền bá các ý tưởng và thông tin bằng bất kỳ phương tiện truyền thông nào, và không có giới hạn về biên giới”³; Trong Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị - 1966 mà Việt Nam tham gia ký kết ngày 24/9/1982 cũng có quy định và bắt buộc các nước thành viên thực hiện nghiêm túc: “1. Mọi người đều có quyền giữ quan điểm của mình mà không bị ai can thiệp; 2. Mọi người có quyền tự do ngôn luận. Quyền này bao gồm tự do tìm kiếm, tiếp nhận và truyền đạt mọi thông tin, ý kiến, không phân biệt lĩnh vực, hình thức tuyên truyền bằng miệng, bằng bản viết, in, hoặc dưới hình thức nghệ thuật, thông qua bất kỳ phương tiện thông tin đại chúng nào tùy theo sự lựa chọn của họ...”⁴. Ở nước ta, từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam thành lập, lãnh đạo và dẫn dắt cách mạng đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác, với việc đề cao nguyên tắc tập trung dân chủ, Đảng và Nhà nước đã luôn đặt quyền và lợi ích của nhân dân lên hàng đầu, cũng như tôn trọng các quyền thiêng liêng của con người. Hiến pháp Việt Nam qua các thời kỳ đã thừa nhận tự do ngôn luận là một quyền cơ bản của con người, gần nhất là trong Hiến pháp năm 2013 có quy định: “Công dân có quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tiếp cận thông tin, hội họp, lập hội, biểu tình...”⁵

3. Tuyên ngôn toàn thế giới về nhân quyền năm 1948, Điều 19.

4. Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị năm 1966, Điều 19.

5. Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam năm 2013, Chương II, Điều 25.

2. OHCHR, Frequently Asked Question on a Human Rights-based Approach to Development Cooperation, New York anh Geneva, 2006, tr.1.



Trong sự vận động phát triển của các quốc gia trên thế giới đã mặc nhiên thừa nhận và bảo đảm thực thi các quyền của con người trong đó có quyền tự do ngôn luận như một hiện tượng xã hội tất yếu. Với sự nỗ lực trong quá trình xây dựng xã hội XHCN - một xã hội mà con người được đặt vào vị trí trung tâm, Việt Nam ta đã được cộng đồng thế giới nhìn nhận là một trong các quốc gia đảm bảo tốt các quyền con người. Với sự cố gắng của toàn Đảng và toàn dân trong quá xây dựng đất nước, hiện tại Việt Nam đã là thành viên hầu hết các tổ chức bảo vệ quyền con người như: tổ chức y tế thế giới (WHO), tổ chức sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO)... đặc biệt Việt Nam còn là thành viên hội đồng nhân quyền (2014 - 2016) góp phần vào việc bảo vệ và nâng cao nhân quyền trên phạm vi toàn thế giới. Với vị trí quan trọng trên trường quốc tế trong vấn đề bảo vệ nhân quyền, hơn bao giờ hết Việt Nam luôn ý thức được trách nhiệm trong vấn đề bảo đảm thực thi quyền con người nói chung cũng như quyền tự do ngôn luận nói riêng.

Trong thời kỳ toàn cầu hoá như hiện nay, Việt Nam đã và đang vận động theo xu hướng tiến bộ của các nước phát triển trên thế giới, vấn đề bảo vệ tự do ngôn luận được tôn trọng và đảm bảo thực hiện với vai trò là một trong những quyền cơ bản nhất của con người. Trong các hoạt động xã hội, kinh tế, chính trị, văn hoá... mỗi cá nhân được tự do thông tin, đưa ra những luận điểm, ý kiến thể hiện tư duy và nhận thức về một hay nhiều vấn đề cụ thể. Nhà nước mà đại diện trực tiếp là các cơ quan lập pháp, hành pháp, tư pháp được giao quyền và trách nhiệm trong việc bảo đảm quyền tự do ngôn luận đã thực hiện một cách đầy đủ nhất chức trách nhiệm vụ của mình. Có thể thấy rằng Đảng và Nhà nước ta đã tạo ra môi trường pháp lý cơ bản nhất để con người thực hiện quyền tự do ngôn luận, công dân cũng như các tổ chức xã hội đã

và đang tham gia vào những công việc của Nhà nước với tư cách là người làm chủ đất nước như: tham gia đóng góp xây dựng Hiến pháp, pháp luật; ứng cử, bầu cử; thực hiện cơ chế giám sát hoạt động của Quốc hội, tổ chức Đảng, cũng như các cơ quan quyền lực nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội; khiếu nại, tố cáo khi phát hiện những biểu hiện sai trái của cơ quan nhà nước... đúng như tinh thần của Hiến Pháp đã ghi nhận: *“Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam do Nhân dân làm chủ; tất cả quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân...”*⁶. Pháp luật Việt Nam nghiêm cấm mọi hành vi xâm phạm quyền tự do ngôn luận của con người, nó được ghi nhận cụ thể trong các văn bản quy phạm pháp luật như: luật hình sự, luật dân sự, luật hành chính... và trong các phạm trù, chuẩn mực về đạo đức, truyền thống của dân tộc.

Bên cạnh đó, khi nhìn nhận cơ chế đảm bảo thực hiện nội dung của quyền tự do ngôn luận cần đặt trong mối quan hệ với phạm vi bảo đảm và thực thi quyền này. Thực tế tất cả các quốc gia trên thế giới trong đó có Việt Nam đều xem tự do ngôn luận là một quyền cơ bản của con người, đó tuyệt nhiên không phải là một quyền tuyệt đối như một số người vẫn nhầm tưởng. Bởi lẽ khi giới hạn ngôn luận vượt ra khỏi phạm vi của mình nó sẽ xung đột hoặc xâm phạm đến các giá trị về quyền khác của con người như: các phát biểu mang tính chất thù hằn, hạ thấp giá trị tốt đẹp về quốc tịch, nhân phẩm, tôn giáo, ngôn ngữ... Những phát biểu đi ngược lại sự tiến bộ của nhân loại có thể ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của cá nhân, một nhóm người hay cả một quốc gia dân tộc.

Để tránh các trường hợp lợi dụng tự do ngôn luận vào các mục đích tiêu cực như gây chiến, ủng hộ chiến tranh, diệt chủng... Tất cả các nước cũng như các quốc gia đang thành lập

6. Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam năm 2013, Điều 2, Khoản 2.



trên thế giới đều đã ban hành các quy định hạn chế đối với quyền tự do ngôn luận theo “nguyên tắc gây hại” (“harm principle”) hoặc “nguyên tắc xúc phạm” (“offense principle”), hai nguyên tắc này có thể được áp dụng bằng các quy phạm pháp luật cụ thể hoặc sự lên án của dư luận xã hội.

Xuất phát từ thực tiễn quốc gia, Việt Nam cũng đã ghi nhận cụ thể trong văn bản pháp luật cao nhất đó là Hiến pháp: “*Công dân có quyền tự do ngôn luận... Việc thực hiện các quyền này do pháp luật quy định*”⁷. Trong việc thực hiện quyền tự do ngôn luận của cá nhân, tổ chức trên lãnh thổ nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam nếu xâm phạm đến khách thể của các luật như: hành chính, hình sự, dân sự... tùy theo tính chất, mức độ của hành vi vi phạm Nhà nước sẽ có chế tài áp dụng, nhằm ngăn chặn ngay những hậu quả xấu gây ra cho xã hội. Điển hình như trong Bộ Luật hình sự sửa đổi bổ sung năm 2009 có quy định: “1. Người nào có một trong những hành vi sau đây nhằm chống Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thì bị phạt tù từ ba năm đến mười hai năm: a) Tuyên truyền xuyên tạc, phỉ báng chính quyền nhân dân; b) Tuyên truyền những luận điệu chiến tranh tâm lý, phao tin bịa đặt gây hoang mang trong nhân dân; c) Làm ra, tàng trữ, lưu hành các tài liệu, văn hoá phẩm có nội dung chống Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam; 2. Phạm tội trong trường hợp đặc biệt nghiêm trọng thì bị phạt tù từ mười năm đến hai mươi năm”⁸. Có thể thấy rằng từ khi đất nước giành được độc lập, Nhà nước Việt Nam ra đời, pháp luật Việt Nam đã tạo ra và dần hoàn thiện hành lang pháp lý cho quyền tự do ngôn luận của con người được bảo đảm thực hiện một

cách đầy đủ nhất nói riêng cũng như quyền con người nói chung, đúng như quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về con người: “*Con người là mục tiêu, đồng thời vừa là động lực của sự nghiệp giải phóng xã hội và giải phóng chính bản thân con người*”.

Với kỷ nguyên giá trị con người được đặt lên hàng đầu hầu hết các nước trên thế giới đều ý thức được việc xây dựng “*Nền văn hoá nhân quyền*” là một yêu cầu tất yếu thể hiện sự phát triển văn minh của mỗi quốc gia. Hiện nay thế giới có khoảng hơn 200 quốc gia và vùng lãnh thổ trong đó có 193 quốc gia tham gia tổ chức Liên Hợp quốc, với tôn chỉ nhằm: xây dựng một thế giới hoà bình, duy trì an ninh quốc tế; thúc đẩy tôn trọng quyền con người; thúc đẩy sự hợp tác của của mỗi quốc gia trong đời sống quốc tế. Là thành viên của tổ chức này nên Việt Nam có những điều kiện để tiếp cận những quy phạm pháp luật tiến bộ đảm bảo quyền con người trong đó có quyền tự do ngôn luận. Việt Nam đã và đang đẩy mạnh các hoạt động tạo ra môi trường hợp tác với các tổ chức thế giới, tổ chức phi nhà nước nhằm thực hiện tốt nhất quyền con người. Trong chính sách đối ngoại của Việt Nam trong việc thúc đẩy quyền con người cũng đã đề cao phương châm chủ động, tích cực, cụ thể tại Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ X Đảng ta đã khẳng định: “*Chủ động tham gia cuộc đấu tranh chung vì quyền con người, sẵn sàng đối thoại với các nước, các tổ chức quốc tế và khu vực có liên quan về vấn đề nhân quyền*”. Mặc dù chưa xây dựng được các Toà án nhân quyền chuyên trách như các nước phát triển trên thế giới, nhưng Việt Nam đã tạo ra cơ chế đảm bảo thực thi quyền con người nói chung và quyền tự do ngôn luận nói riêng là các cơ quan lập pháp, hành pháp, tư pháp từ Trung ương đến địa phương được sự tin nhiệm cao từ nhân dân.

Đảm bảo tự do ngôn luận ở Việt Nam trong thời gian qua là cả quá trình cố gắng của

7. Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam năm 2013, Điều 25.

8. Bộ Luật hình sự, 2009, Điều 88



toàn Đảng, Nhà nước và toàn dân ta. Với những thành tựu đã đạt được trong vấn đề đảm bảo quyền con người nói chung và quyền tự do ngôn luận nói riêng, Việt Nam có quyền tự hào với cộng đồng quốc tế về nền chính trị hoà bình, ổn định, kinh tế - xã hội với những bước tiến vượt bậc, môi trường sống hạnh phúc cho nhân dân - nơi mà giá trị con người luôn được đề cao và đảm bảo thực thi. Con người Việt Nam đang là trung tâm trong chiến lược phát triển toàn diện; là động lực của công cuộc xây dựng xã hội mới với mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, vững bước đi lên Chủ nghĩa xã hội.

Tuy nhiên cũng có thể thấy rằng trong quá trình hợp tác quốc tế đa phương, cũng như sự nổ rộ của công nghệ thông tin, các trang mạng xã hội ở Việt Nam hoạt động và phát triển với tốc độ nhanh như vũ bão. Đây là những điều kiện để các thế lực chống phá hoà bình, kích động chiến tranh, chia rẽ đoàn kết sắc tộc... lợi dụng vấn đề quyền con người trong đó có quyền tự do ngôn luận để truyền bá những quan điểm, tư tưởng đi ngược lại pháp luật quốc tế nói chung cũng như đường lối chính sách của Đảng, và pháp luật Việt Nam nói riêng. Ở Việt Nam vấn đề lợi dụng tự do ngôn luận với mục đích phi nhân văn gần đây nổi lên như một hiện tượng nhằm chống phá Đảng và Nhà nước trên tất cả các mặt, đặc biệt là mặt trận tư tưởng, các trang mạng xã hội là công cụ được sử dụng khá phổ biến của các phần tử xấu tạo ra mối đe dọa lớn đến tình hình an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội. Điển hình có thể kể đến hoạt động truyền bá tư tưởng chống phá cách mạng của tổ chức lưu vong Việt Tân, chúng đã sử dụng nhiều hình thức khác nhau như tổ chức hội họp trái phép, phát tờ rơi, đăng tải các thông tin phản động trên các trang mạng xã hội nhằm kêu gọi, lôi kéo các phần tử cơ hội tham gia vào tổ chức chống chính quyền cách mạng nhằm lật đổ Đảng và

Nhà nước ta.

Song với sự lãnh đạo tài tình của Đảng Cộng sản Việt Nam, cơ chế quản lý chặt chẽ của Nhà nước, hoạt động tích cực của các tổ chức chính trị - xã hội, các ban ngành đoàn thể, thời gian qua Việt Nam ta đã ngăn chặn kịp thời các vụ việc lợi dụng vấn đề tự do ngôn luận với mục đích chống phá, kêu gọi cộng đồng quốc tế chung tay trong vấn đề bảo đảm các quyền cơ bản của con người. Trong thời gian tới để vấn đề quyền con người nói chung và quyền tự do ngôn luận nói riêng thực thi đạt hiệu quả cao hơn nữa, chúng ta cần phải: Xây dựng cơ chế quản lý với cơ quan lập pháp, hành pháp, tư pháp chặt chẽ từ trung ương đến địa phương; Hoàn thiện hệ thống pháp luật có tính dự báo cao đảm bảo điều chỉnh các hành vi vi phạm mới; Tuyên truyền phổ biến pháp luật đặc biệt là quyền con người cho nhân dân với nhiều hình thức đa dạng, phong phú; Tạo ra sân chơi để thu hút các tổ chức phi chính phủ, doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức xã hội tham gia vào hoạt động bảo vệ quyền con người; Gắn chặt phát triển kinh tế - xã hội - văn hoá - giáo dục với bảo đảm quyền con người.

Ngày nay quyền con người được thế giới nhìn nhận là thước đo đánh giá sự phát triển toàn diện của một quốc gia. Với tình hình phát triển kinh tế, xã hội, tình hình an ninh chính trị đảm bảo, người dân sống trong tự do hoà bình, có thể khẳng định rằng Việt Nam đã và đang đảm bảo tốt nhất vấn đề quyền con người nói chung và quyền tự do ngôn luận nói riêng. Đảng và nhà nước ta đã luôn giữ vững quan điểm phát triển xã hội đi đôi với việc đặt lợi ích của con người lên hàng đầu, đúng như tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về nhân dân:

“Nước lấy dân làm gốc

Gốc có vững thì cây mới bền

Xây lâu thắng lợi trên nền nhân dân”.